

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy trình kiểm soát an toàn thực phẩm
đối với quả sầu riêng tươi xuất khẩu”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày
29/6/2006;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày
21/11/2007;
Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013;
Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi
trường;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy trình kiểm soát an toàn thực phẩm (ATTP) trên quả sầu
riêng tươi xuất khẩu” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày được ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát
triển thị trường, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan,
đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở An toàn
thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Quyền Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/tp trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CCPT

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam

**QUY TRÌNH KIỂM SOÁT AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI
VỚI QUẢ SẦU RIÊNG TƯƠI XUẤT KHẨU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. YÊU CẦU CHUNG**1. Phạm vi áp dụng**

Quy trình này hệ thống hoá các yêu cầu về:

1.1 Kiểm soát an toàn thực phẩm đối với quả sầu riêng tươi trong toàn bộ quá trình sản xuất từ trồng trọt, thu hoạch, vận chuyển, bảo quản, đóng gói, xuất khẩu.

1.2 Hoạt động đăng ký, thẩm định, chứng nhận ATTP cho các lô hàng quả sầu riêng tươi dùng làm thực phẩm xuất khẩu.

2. Đối tượng áp dụng

2.1 Các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ sở) tham gia chuỗi sản xuất, xuất khẩu quả sầu riêng tươi dùng làm thực phẩm xuất khẩu, bao gồm cả thương nhân thương mại (không có hoạt động đóng gói, chế biến) đứng tên là chủ hàng xuất khẩu.

2.2 Các cơ quan thẩm quyền quản lý về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở tham gia chuỗi sản xuất, xuất khẩu quả sầu riêng tươi xuất khẩu; thẩm định và chứng nhận ATTP cho lô hàng quả sầu riêng tươi xuất khẩu.

2.3 Cơ sở kiểm nghiệm thực hiện phân tích, kiểm nghiệm đối với quả sầu riêng tươi phục vụ cho hoạt động chứng nhận ATTP xuất khẩu.

3. Các cơ quan thẩm quyền quản lý về điều kiện bảo đảm ATTP

3.1 Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thẩm quyền chịu trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, giám sát ATTP, kiểm tra việc thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở trồng trọt, vùng trồng, cơ sở đóng gói, bảo quản, vận chuyển sầu riêng tươi xuất khẩu.

3.2 Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện kiểm tra, chứng nhận nhà nước về an toàn thực phẩm đối với lô hàng có nguồn gốc thực vật xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu.

II. CƠ SỞ TRỒNG TRỌT, VÙNG TRỒNG**1. Cơ sở trồng trọt**

1.1 Đáp ứng yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật An toàn thực phẩm.

1.2 Đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo

đảm an toàn theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT- BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

1.3 Cơ sở trồng trọt:

a) Được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT; hoặc

b) Được kiểm tra ATTP với tần suất không quá 01 lần/năm trong trường hợp cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000), thực hành nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương còn hiệu lực; hoặc

c) Thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn và được kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã cam kết theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Vùng trồng

2.1 Vùng trồng có các cơ sở trồng trọt đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 1 mục II Quy trình này.

2.2 Vùng trồng được kiểm tra, giám sát và cấp mã số theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.

III. BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN ĐẾN CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Đáp ứng yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại Điều 20, Điều 21 Luật An toàn thực phẩm.

2. Đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT- BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Cơ sở đóng gói sâu riêng tươi xuất khẩu có trách nhiệm kiểm tra và giám sát quá trình bảo quản, vận chuyển sâu riêng đảm bảo tuân thủ theo các yêu cầu nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục III Quy trình này.

IV. CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại Điều 19 Luật An toàn thực phẩm.

2. Đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo

đảm an toàn theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hoặc được kiểm tra ATTP theo quy định tại Điều 69, 70 Luật An toàn thực phẩm, khoản 20 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT đối với các cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

4. Được kiểm tra, giám sát và cấp mã số theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.

V. THƯƠNG NHÂN THƯƠNG MẠI

1. Có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp và Điều 7 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 4/1/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm sầu riêng tươi không đảm bảo an toàn theo các quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm và Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

VI. CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM

1. Được cấp giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp trong trường hợp lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP đối với lô hàng sầu riêng tươi xuất khẩu theo yêu cầu của chủ hàng.

2. Được chỉ định theo quy định của pháp luật trong trường hợp lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP đối với lô hàng sầu riêng tươi xuất khẩu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam để phục vụ kiểm tra, cấp chứng nhận nhà nước về ATTP cho lô hàng trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu.

VII. SẢN PHẨM SẦU RIÊNG TƯƠI XUẤT KHẨU

1. Được sản xuất, thu hoạch từ cơ sở trồng trọt, vùng trồng được kiểm tra, giám sát, cấp mã số và có tên trong danh sách được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận trong trường hợp có yêu cầu lập danh sách; được bảo quản, vận chuyển đáp ứng theo các yêu cầu nêu tại mục II, mục III Quy trình này.

2. Được phân loại, đóng gói, ghi nhãn tại cơ sở đóng gói đáp ứng theo yêu cầu nêu tại mục IV Quy trình này và có tên trong danh sách được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận trong trường hợp có yêu cầu lập danh sách.

3. Được ghi nhãn đáp ứng quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về ghi nhãn hàng hoá, Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP và các quy định về ghi nhãn của thị trường nhập khẩu tương ứng.

4. Đáp ứng chỉ tiêu tồn dư kim loại nặng quy định tại Quy chuẩn QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; chỉ tiêu tồn dư thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Thông tư số 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm và các quy định có liên quan về danh mục chỉ tiêu, mức giới hạn an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sầu riêng của thị trường nhập khẩu tương ứng.

VIII. KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN ATTP ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SẦU RIÊNG TƯƠI XUẤT KHẨU

1. Trường hợp cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam kiểm tra, cấp chứng nhận nhà nước về ATTP cho lô hàng xuất khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ tới Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện kiểm tra, chứng nhận nhà nước về an toàn thực phẩm đối với lô hàng có nguồn gốc thực vật xuất khẩu theo quy định tại Thông tư 44/2018/TT-BNNPTNT về kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu và Thông tư 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2. Trường hợp cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu không yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam kiểm tra, cấp chứng nhận nhà nước về ATTP cho lô hàng xuất khẩu nhưng có yêu cầu tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, chủ hàng thực hiện đăng ký, chứng nhận ATTP cho lô hàng xuất khẩu theo đúng quy định và tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm của cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu.

3. Trường hợp không có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền thị trường nhập khẩu, chủ hàng thực hiện đăng ký, chứng nhận ATTP cho lô hàng xuất khẩu theo yêu cầu của nhà nhập khẩu (nếu có).

4. Danh mục các quy định, yêu cầu, tiêu chuẩn về đảm bảo ATTP của một số thị trường nhập khẩu cập nhật đến nay tại Phụ lục 1 kèm theo.

5. Hướng dẫn lấy mẫu đối với lô hàng sầu riêng tươi xuất khẩu tại Phụ lục 2 kèm theo.

IX. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

1. Cơ sở trồng trọt, vùng trồng

1.1 Tuân thủ các yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 mục II Quy trình này.

1.2 Khuyến khích các cơ sở xây dựng, áp dụng các Chương trình quản lý chất lượng tiên tiến như Quy phạm thực hành nông nghiệp tốt (GAP),... hoặc tương đương; khuyến khích cơ sở có biện pháp tự kiểm soát, kiểm nghiệm đối với các yếu tố đầu vào quá trình sản xuất (đất trồng, nước tưới,...), vật tư nông nghiệp đầu vào (giống cây

trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...).

2. Cơ sở đóng gói

2.1 Tuân thủ các yêu cầu tại khoản 3 mục III, mục IV Quy trình này.

2.2 Khuyến khích cơ sở xây dựng, áp dụng các Chương trình quản lý chất lượng tiên tiến như Quy phạm sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000,... hoặc tương đương; khuyến khích cơ sở có biện pháp tự kiểm soát, kiểm nghiệm đối với các cơ sở trồng trọt, vùng trồng cung cấp nguyên liệu.

3. Thương nhân thương mại

Tuân thủ các yêu cầu tại mục V Quy trình này.

4. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

4.1 Tổ chức hướng dẫn việc thực hiện Quy trình này.

4.2 Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ về ATTP đối với các cơ quan quản lý ATTP tại địa phương nhằm đảm bảo đáp ứng năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.3 Cập nhật, phổ biến kịp thời các yêu cầu, quy định của thị trường nhập khẩu về bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phương pháp kiểm nghiệm; trao đổi, đàm phán, tiến tới công nhận lẫn nhau về năng lực kiểm nghiệm với cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

5. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

5.1 Tổ chức hướng dẫn việc thực hiện Quy trình này.

5.2 Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với các cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện kiểm tra, chứng nhận nhà nước về an toàn thực phẩm đối với lô hàng có nguồn gốc thực vật xuất khẩu, cơ quan quản lý về trồng trọt, bảo vệ thực vật và ATTP tại địa phương; tổ chức đào tạo tập huấn triển khai Chương trình giám sát về ATTP đối với sản phẩm sầu riêng tươi xuất khẩu.

5.3 Cập nhật, phổ biến kịp thời các yêu cầu, quy định của thị trường nhập khẩu về bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và truy xuất nguồn gốc.

5.4 Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát ATTP trong toàn bộ quá trình sản xuất từ trồng trọt, thu hoạch, vận chuyển, bảo quản, đóng gói phù hợp với tình hình thực tế tại địa bàn.

5.5 Xây dựng bản đồ vùng trồng sầu riêng trong cả nước, tổ chức kiểm tra hoạt động quản lý, cấp, thu hồi mã số vùng trồng của Cơ quan địa phương và công bố danh sách, mã số vùng trồng được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận trên phạm vi cả nước.

5.6 Ban hành và hướng dẫn quy trình canh tác bền vững, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định kỹ thuật; chủ động đánh giá, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sầu riêng trước khi thu hoạch để kịp thời cảnh báo, công khai thông tin về các vùng canh tác không bảo đảm an toàn.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở An toàn thực phẩm tp. Hồ Chí Minh

6.1 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn nêu tại Điều 20 Thông tư

38/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT).

6.2 Xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sầu riêng tươi và xử lý khi kết quả kiểm nghiệm mẫu giám sát không bảo đảm ATTP theo quy định tại Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT.

6.3 Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ cho kiểm tra viên về an toàn thực phẩm tại địa phương, định kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực, chất lượng công tác của kiểm tra viên đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo đúng Quy trình này.

6.4 Định kỳ hàng tháng, tổng hợp báo cáo danh sách vùng trồng mới công nhận, cơ sở bao gói xuất khẩu đáp ứng quy trình này để gửi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận.

7. Cơ quan có thẩm quyền quản lý về điều kiện bảo đảm ATTP

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn tương ứng theo quy định tại Điều 22 Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT), Điều 9 Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT, Điều 23 Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư 44/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Thông tư 12/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC 1**Danh mục các quy định, yêu cầu, tiêu chuẩn về đảm bảo ATTP của một số thị trường nhập khẩu liên quan đến sản phẩm sầu riêng tươi***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm)***1. Thị trường Trung Quốc**

STT	Nội dung quy định	Quy định của Trung Quốc
I	Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất	GB 14881-2013
1	Địa điểm và khu vực xung quanh nhà xưởng	Mục 3
2	Thiết kế và bố trí nhà xưởng	Mục 4
3	Nguồn nước (chất lượng nước đáp ứng tiêu chuẩn GB 5749-2022)	Mục 5.1.1
4	Hệ thống thoát nước	Mục 5.1.2
5	Phương tiện rửa tay và khử trùng	Mục 5.1.3
6	Hệ thống chứa rác thải	Mục 5.1.4
7	Phương tiện vệ sinh công nhân	Mục 5.1.5
8	Hệ thống thông gió	Mục 5.1.6
9	Hệ thống chiếu sáng	Mục 5.1.7
10	Hệ thống bảo quản	Mục 5.1.8
11	Phương tiện kiểm soát nhiệt độ	Mục 5.1.9
12	Thiết bị sản xuất	Mục 5.2.
13	Quản lý vệ sinh	Mục 6
14	Nguyên liệu, phụ gia và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm sản xuất	Mục 7
15	Quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất (kiểm soát phụ gia theo tiêu chuẩn GB 2760-2024)	Mục 8
16	Hoạt động tự kiểm soát	Mục 9
17	Bảo quản và vận chuyển sản phẩm	Mục 10
18	Thu hồi sản phẩm	Mục 11
19	Đào tạo nội bộ, lưu trữ hồ sơ	Mục 12, 14
20	Lấy mẫu giám sát vi sinh trong quá trình sản xuất	Bảng A.1
II	Giới hạn chất ô nhiễm trong sản phẩm	GB 2762-2022
III	Xác định Cadimi trong thực phẩm	GB 5009 15-2023
IV	Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn	GB 7718-2011
V	Yêu cầu đối với phòng kiểm nghiệm có nhu cầu tham gia kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP quả tươi xuất khẩu sang Trung Quốc	Công thư thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo tại văn bản số 612/TTBVTV-ATTPMT ngày 01/4/2025
VI	Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả sầu riêng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục Hải quan nước CHND Trung Hoa	

2. Thị trường EU

STT	Nội dung quy định	Quy định của EU
I	Các nguyên tắc và yêu cầu chung an toàn thực phẩm	Quy định (EC) 178/2002
II	Các biện pháp kiểm soát nhà nước để đảm bảo việc áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy định về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật	Quy định (EU) 2017/625
III	Biện pháp kiểm soát tăng cường nhập khẩu một số hàng hóa từ nước thứ ba vào EU	Quy định (EU) 2019/1793
IV	Quy định về ghi nhãn	Quy định (EU) 1169/2011
V	Mức giới hạn tối đa đối với chất gây ô nhiễm	Quy định (EC) 2023/915 và các quy định sửa đổi, bổ sung
VI	Mức dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ thực vật và động vật	Quy định (EC) 396/2005

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn lấy mẫu đối với lô hàng sầu riêng tươi đăng ký xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm)

1. Tiêu chuẩn tham chiếu:

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9017:2011 Quả tươi, phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5102:1990 Rau quả tươi – Lấy mẫu
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10739: 2015 Sầu riêng tươi
- Các Tiêu chuẩn theo quy định của thị trường nhập khẩu

2. Đánh giá chất lượng

Căn cứ thông tin lô hàng đăng ký, thông tin ghi nhãn sản phẩm (nếu có), thực hiện kiểm tra các chỉ tiêu yêu cầu tối thiểu nêu tại Mục 3.1. TCVN 10739: 2015 Sầu riêng tươi

3. Lấy mẫu:

3.1: Lấy mẫu tại vùng trồng/cơ sở trồng trọt trước khi thu mua

- Dựa trên thông tin đăng ký lô hàng dự kiến thu mua từ vùng trồng, số cơ sở trồng trọt để xác định số mẫu cần lấy
- Các bước tiến hành lấy mẫu theo hướng dẫn tại Mục 6 TCVN 9017:2011 Quả tươi, phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất

3.2: Lấy mẫu lô hàng: áp dụng đối với hoạt động lấy mẫu lô hàng được bảo quản tại cơ sở đóng gói, hoặc lô hàng đã được xếp trên phương tiện vận chuyển (container, ...): Thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN 5102:1990, áp dụng cho trường hợp quả sầu riêng (cỡ lớn).

4. Lập Biên bản kiểm tra lô hàng theo quy định; biên bản lấy mẫu và tiến hành niêm phong mẫu, mã hoá/ký hiệu mẫu: tham khảo phụ lục F của TCVN 9017:2011

5. Yêu cầu bảo quản, vận chuyển mẫu theo yêu cầu tại Mục 7 TCVN 9017:2011

6. Phòng kiểm nghiệm được chỉ định thực hiện tiếp nhận mẫu, mã hoá và lập biên bản giao nhận mẫu theo quy trình của phòng kiểm nghiệm để thực hiện phân tích theo yêu cầu của Việt Nam và thị trường nhập khẩu tương ứng.

7. Kết quả kiểm nghiệm được chuyển ngay/cập nhật hệ thống dữ liệu theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền để đánh giá xử lý kết quả kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu.